

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

(Giấy đăng ký kinh doanh số 6000175829 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần 6 ngày 01/10/2018)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3865015

Fax: (0262) 3865041

Website: dakruco.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Thị Bích Thảo

Chức vụ: Người quản trị Công ty

Điện thoại: (0262) 3865015

Fax: (0262) 3865041

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	3
1. <i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....</i>	3
2. <i>Cơ cấu tổ chức Công ty và bộ máy quản lý Công ty.....</i>	6
3. <i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....</i>	10
<i>Cơ cấu cổ đông tại ngày 02/07/2019:.....</i>	10
4. <i>Danh sách công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Dakruco, những Công ty mà Dakruco đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....</i>	11
5. <i>Hoạt động kinh doanh.....</i>	12
6. <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....</i>	13
7. <i>Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....</i>	16
7.1 <i>Vị thế của Công ty trong ngành.....</i>	16
7.2 <i>Triển vọng phát triển của ngành.....</i>	16
8. <i>Chính sách đối với người lao động.....</i>	18
9. <i>Chính sách cổ tức.....</i>	21
10. <i>Tình hình hoạt động tài chính.....</i>	21
10.5 <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>	29
11. <i>Tài sản.....</i>	30
12. <i>Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....</i>	32
13. <i>Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng:.....</i>	33
14. <i>Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....</i>	33
15. <i>Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....</i>	33
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	34
III. PHỤ LỤC	48

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về công ty

- **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
- **Tên tiếng Anh:** DAK LAK RUBBER JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt :** DAKRUCO
- **Trụ sở :** Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- **Vốn điều lệ đăng ký :** 1.558.000.000.000 đồng (*một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng*)
- **Vốn điều lệ thực góp:** 1.558.000.000.000 đồng (*một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng*)
- **Số điện thoại :** (0262) 3865015
- **Số fax :** (0262) 3865041
- **Website:** dakruco.com; **Email:** caosu@dakruco.com

Logo doanh nghiệp :



- **Ngày trở thành CTĐC:** 08/05/2019
- **Người đại diện theo pháp luật:**
 1. Nguyễn Viết Tượng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
 2. Bùi Quang Ninh - Tổng Giám đốc

- **Giấy CNĐKKD:** Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6000175829 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần 6 ngày 01/10/2018

Ngành nghề kinh doanh chính:

Ngành nghề kinh doanh chính của Dakruco là: *Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su, Chế biến gỗ với các sản phẩm: Mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì, Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch.*

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- **Loại chứng khoán** : Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Mã cổ phiếu** : DRG
- **Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch**: 1.658.400 cổ phần
 - o Số lượng cổ phần trúng đấu giá công khai: 52.500 cổ phần
 - o Số lượng cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên: 1.605.900 cổ phần
- * 154.141.600 cổ phần còn lại thuộc sở hữu của UBND tỉnh Đắk Lắk sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung sau khi hoàn tất việc quyết toán và bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần.
- **Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD:**

Cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên: 1.605.900 cổ phần, giá trị theo mệnh giá 16.059.000.000 đồng, chiếm 1,03% vốn điều lệ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

- **Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 02/07/2019, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 4.500 cổ phần – tương ứng 0,0029%.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (DAKRUCO), tiền thân là Công ty Cao su Đắk Lắk thành lập tháng 3 năm 1993, trên cơ sở Liên hiệp các Xí nghiệp cao su Đắk Lắk thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh theo Nghị định 388 của Chính phủ và được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV theo quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 23/09/2010 về việc Phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cao su Đắk Lắk thành Công ty TNHH MTV và Điều lệ Công ty kể từ tháng 01/2011.

Ngày 11/04/2018, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk theo Quyết định số 739/QĐ-UBND

Ngày 31/07/2018, Công ty thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với kết quả:

- o Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá công khai: 97.575.500 cổ phần

- Tổng khối lượng cổ phần bán được: 52.500 cổ phần

Ngày 04/09/2018, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2139/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk Ngày 29/09/2018, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

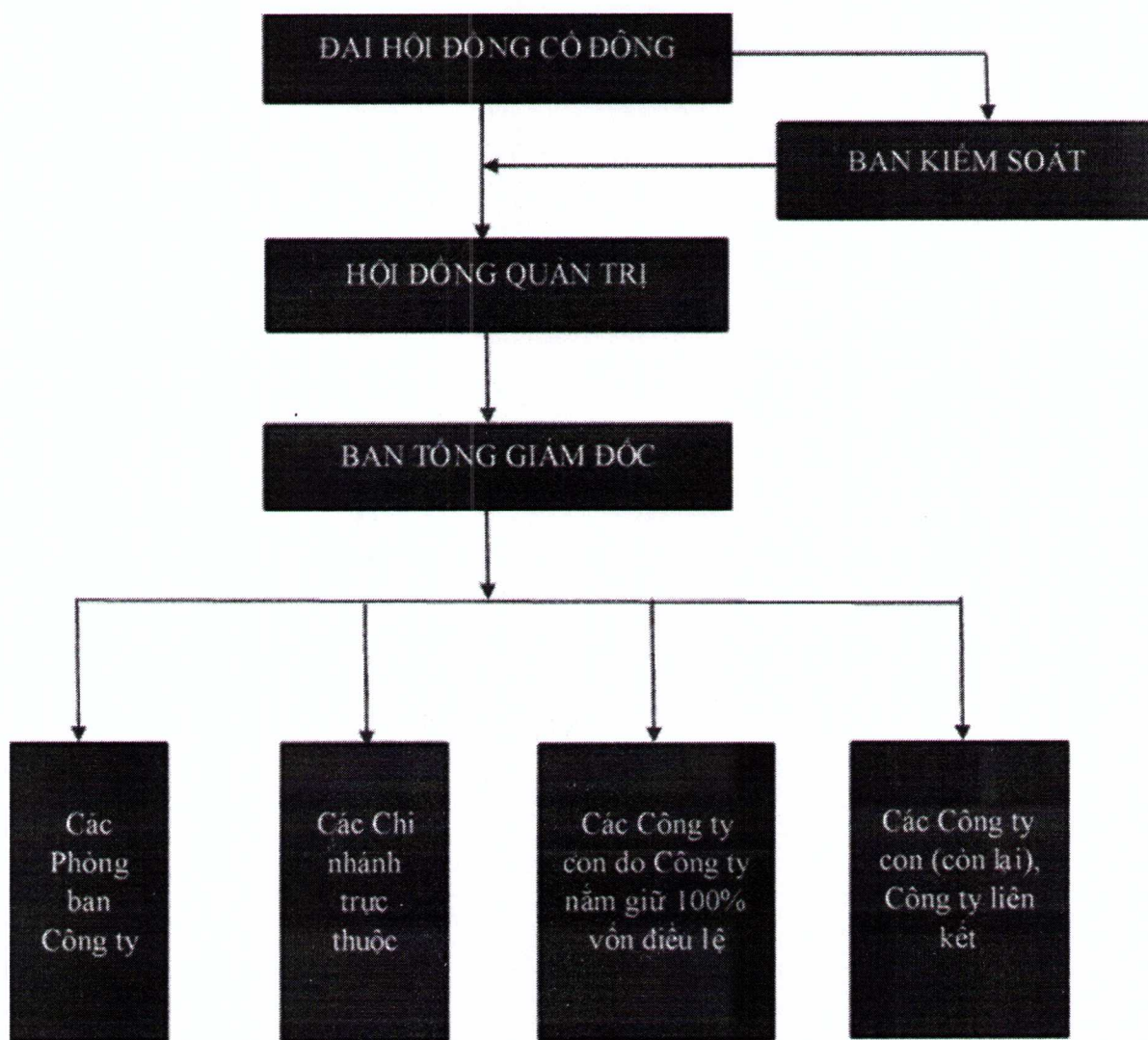
Ngày 01/10/2018 Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 1.558.000.000.000 đồng.

Ngày 08/05/2019, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.

1.4. Quá trình tăng vốn của công ty

Công ty đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 1.558.000.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa tiến hành tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty và bộ máy quản lý Công ty



Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 29/09/2018, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Hoạt động theo sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát là những người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty cổ phần nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần; chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác của Tổng giám đốc.

Các phòng ban của công ty:

Phòng Nhân sự - Pháp chế

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong các lĩnh vực công tác sau:

- Tổ chức bộ máy, công tác cán bộ của Công ty.
- Công tác quản lý lao động, thực hiện chế độ, chính sách người lao động theo quy định của pháp luật.
- Công tác pháp chế trong doanh nghiệp.
- Công tác quốc phòng, an ninh, phòng chống cháy nổ.

Phòng Hành chính

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong các lĩnh vực công tác sau:

- Công tác hành chính, văn thư, lưu trữ.
- Công tác tổng hợp, báo cáo.
- Quản trị hệ thống thông tin, xây dựng hoặc ứng dụng các phần mềm quản lý của Công ty.

Phòng Kỹ thuật

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong các lĩnh vực công tác sau:

- Quản lý quy trình, định mức, công nghệ, nguồn lực về phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh.
- Nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- Xác lập các tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất - tài chính hàng năm; kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, môi trường.
- Quản trị các hệ thống ISO đang áp dụng tại Công ty.
- Quản lý hợp đồng trồng xen, hợp đồng hợp tác kinh doanh và các hợp đồng khác về lĩnh vực nông nghiệp.

Phòng Tài chính - Kế toán

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong các lĩnh vực công tác sau:

- Xây dựng, giám sát và bảo vệ các nguyên tắc quản lý tài chính, kế toán.
- Lập kế hoạch và chiến lược đầu tư.
- Kế toán quản trị.
- Tài chính doanh nghiệp.
- Thu thập và xử lý thông tin kế toán.
- Quản lý và giám sát tài chính kế toán.
- Lập và tổ chức lập báo cáo tài chính Công ty.
- Tổ chức và thực hiện bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán.
- Lập thủ tục để Người đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty xin ý kiến Chủ sở hữu về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, tài chính... theo quy định.

Phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong các lĩnh vực công tác sau:

- Bán hàng và tổ chức thực hiện các hoạt động bán hàng.
- Nghiên cứu và phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm.
- Mua hàng và tổ chức mua hàng, cung ứng vật tư, phân bón, hóa chất, nguyên liệu mủ cao su, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất của Công ty.

Các chi nhánh:

Công ty có 09 chi nhánh trực thuộc, cụ thể như sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc - Nông trường 19-8;

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc - Nông trường CưMgar;

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cuôr Đăng;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Phú Xuân;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Bao;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường CưKpô;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy Chế biến mủ cao su;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Khách sạn Dakruco.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy Chế biến chỉ thun.

Các công ty con, công ty liên kết:

Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty có 03 Công ty con là Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri (tại Vương quốc Campuchia), Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco và Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; 02 Công ty liên kết là CTCP Kỹ Thuật Cao su và CTCP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk. Trong đó, Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri (tại Vương quốc Campuchia) là Công ty con do Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Danh sách Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

1. CTCP Kỹ Thuật Cao su

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000944792
- Địa chỉ: Km 18 – Thôn Đoàn Kết – Xã Ea D’Rong – Huyện Cư M’gar- Tỉnh Đắk Lắk
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 36%
- Hoạt động kinh doanh chính: dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su

2. CTCP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000692721
- Địa chỉ: Km 19, quốc lộ 14, Xã Ea D-Rong, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk
- Vốn điều lệ: 6.691.390.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 45,13%
- Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác gỗ , Chế biến các sản phẩm từ gỗ, Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.

3.1 Cơ cấu cổ đông tại ngày 02/07/2019:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	1.462	155.795.500	99,9971%
1	Tổ chức	1	154.141.600	98,9356%
2	Cá nhân	1.461	1.653.900	1,0616%
II	Cổ đông nước ngoài	4	4.500	0,0029%
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	4	4.500	0,0029%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		1.466	155.800.000	100,0000%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 02/07/2019

3.2 Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của công ty trở lên tại ngày 02/07/2019:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk		Số 09 Lê Duẩn, Tụ An, TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	154.141.600	98,94%
Tổng cộng				154.141.600	98,94%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 02/07/2019

3.3 Cổ đông sáng lập:

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk do Nhà nước nắm giữ 100% vốn. Sau khi cổ phần hóa chuyển sang Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nắm giữ 98,94% vốn. Công ty không có Cổ đông sáng lập.

4. Danh sách Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Dakruco, những Công ty mà Dakruco đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

4.1. Danh sách tổ chức, Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Dakruco:

Không có

4.2. Danh sách những Công ty mà Dakruco đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Danh sách công ty con:

1. Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri (tại Vương quốc Campuchia)

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Inv.1513E/2009
- Địa chỉ: Thôn Chây sen, Xã Monorum, TP. Senmonorum, tỉnh Mondulkiri, Campuchia
- Điện thoại: 00855977396769
- Vốn điều lệ: 24.972.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 100%
- Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su...

2. Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6400128534
- Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0262379939
- Vốn điều lệ: 35 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 73,4%
- Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su ...

3. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6001271719
- Địa chỉ: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: 02623865303
- Vốn điều lệ: 732 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 66,6%
- Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su ...

5. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của công ty là: Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su, Chế biến gỗ với các sản phẩm: Mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì, Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch

Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su

Sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su, được chia làm 2 loại chính: mủ latex và mủ cốm. Trong đó, mủ Latex ở dạng lỏng bao gồm dòng mủ HA (High Amoniac) và mủ LA (Low Amoniac), ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày phục vụ cho các lĩnh vực y tế, kỹ thuật như sản xuất nệm, găng tay, keo dán, bong bóng. Trong khi đó, mủ cốm ở dạng khối có 03 dòng chính bao gồm dòng có độ mềm dẻo và có tính bám dính phục vụ để sản xuất dây thun, keo dán, mặt hông lốp xe, mặt vợt bóng bàn như, SVR CV 60, SVR 10 CV; dòng có độ đàn hồi và mài mòn cao phục vụ cho lĩnh vực sản xuất lốp xe ô tô, dây đai, cáp dây điện như SVR 3L và dòng có tính cứng phục vụ trong công nghiệp sản xuất lốp xe như SVR 10. Quy trình sản xuất của Công ty Dakruco qua hoạt động trồng, khai thác, chế biến được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9000.

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào Công ty chủ yếu từ các chi nhánh nông trường và thu mua ngoài. Trong đó chủ yếu là sản lượng từ vườn cây cao su quốc doanh đang quản lý nên tính ổn định tương đối cao.

Chế biến gỗ với các sản phẩm: Mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì

Tận dụng lợi thế từ gỗ của cây cao su đã thanh lý, Công ty kinh doanh một số sản phẩm từ gỗ cao su do Công ty tự sản xuất như bàn, ghế, kệ, pallets...

Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch

Công ty có tổ hợp Khách sạn Dakruco được xây dựng trên tổng diện đất 2,7 ha, bao gồm: Khách sạn 4 sao, cao 11 tầng, quy mô 114 phòng; khách sạn 3 sao, cao 3 tầng, quy mô 31 phòng; nhà hàng tiệc cưới 2 tầng, sức chứa 1.000 khách; các tiện ích giải trí khác gồm: hồ bơi, sân tennis.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Từ	Từ	6 tháng đầu năm 2019
		01/01/2018 đến 30/09/2018	01/10/2018 đến 31/12/2018	
Tổng giá trị tài sản (thời điểm cuối kỳ)	1.713.479	2.401.306	2.333.728	2.263.356
Vốn chủ sở hữu (thời điểm cuối kỳ)	1.102.915	1.558.000	1.563.046	1.571.676
Doanh thu thuần	408.284	182.718	117.234	141.402
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(23.562)	(35.613)	(29.506)	(21.744)
Lợi nhuận khác	257.786	60.272	35.158	30.374
Lợi nhuận trước thuế	234.224	24.658	5.653	8.630
Lợi nhuận sau thuế	233.048	20.040	5.046	8.630
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	-	-	10.032	10.088

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính riêng kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét năm 2019

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao số liệu giữa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk và Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ có thể thay đổi (nếu có) khi có quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền”.

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính riêng quý II năm 2019, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm, tuy nhiên Công ty có khoản lợi nhuận khác từ việc thanh lý vườn cây cao su lâu năm dẫn đến lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều dương.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Từ	Từ	6 tháng đầu năm 2019
		01/01//2018 đến 30/09/2018	01/10/2018 đến 31/12/2018	
Tổng giá trị tài sản	2.661.338	3.392.477	3.327.910	3.208.365
Vốn chủ sở hữu	1.427.378	1.928.972	1.953.825	1.917.398
Doanh thu thuần	1.046.276	610.378	282.173	415.553
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	131.001	(17.023)	(2.009)	(48.517)
Lợi nhuận khác	234.976	55.819	41.305	32.103
Lợi nhuận trước thuế	365.977	38.796	39.296	(16.414)
Lợi nhuận sau thuế	354.444	26.841	31.247	(19.833)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	303.524	18.102	22.366	(22.322)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	50.921	8.739	8.881	2.489
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	-	-	10.579	10.361

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét 2019

"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao số liệu giữa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk và Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất có thể thay đổi (nếu có) khi có quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền."

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2019, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm, tuy nhiên Công ty có khoản lợi nhuận khác từ việc thanh lý vườn cây cao su lâu năm dẫn đến lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều dương.

Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong thời gian qua

Thuận lợi:

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/10/2018, sau khi thực hiện thành công phương án cổ phần hóa theo chủ trương của UBND tỉnh. Việc chuyển đổi công ty thuận lợi, không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty với nhiều kinh nghiệm trong quản lý, sản xuất và thị trường khách hàng ổn định trong nhiều năm qua. Công nghệ chế biến với công suất lớn, sản phẩm tạo ra đạt tiêu chuẩn quốc tế. Công ty ngày càng khẳng định khả năng cung cấp sản phẩm với chất lượng cao, Công ty đã phát huy thế mạnh của mình để thiết lập và giữ vững mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước.

Tập thể Ban Lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các chi nhánh, các phòng ban Công ty và toàn thể CBCNV Công ty tiếp tục đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu phát triển của Công ty.

Về yếu tố tự nhiên vùng tây nguyên có điều kiện khí hậu thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng và khai thác cao su. Cây cao su sinh trưởng, phát triển tốt và cho năng suất ổn định.

Khó khăn:

Vườn cây khai thác ngày càng thu hẹp do trong lộ trình thanh lý trồng tái canh dẫn đến năng suất thấp, sản lượng giảm dần; tình hình thời tiết, dịch bệnh trên vườn cây diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng mùa khai thác.

Giá mủ cao su trên thị trường xuống ở mức thấp nhất trong 3 năm qua, giá bán thấp hơn giá thành kế hoạch dự kiến và sản lượng mủ giảm, nhu cầu vốn đầu tư tái canh lớn nên không chủ động lựa chọn kế hoạch bán hàng; giá bán gỗ cao su thanh lý cũng xuống thấp, đến thời điểm hiện tại giá chưa bằng 50% của năm 2017, nhưng lại khó bán. Ngân hàng liên tục cắt giảm hạn mức cho vay do vườn cây thanh lý nhiều nên không còn tài sản thế chấp trong khi nguồn vốn cho đầu tư tái canh tương đối lớn, nhưng chưa được ngân hàng cho vay nên tình hình tài chính công ty gặp nhiều khó khăn.

Yếu tố tự nhiên diễn biến thất thường của thời tiết (tần suất mưa, bão nhiều) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất và hiệu quả của Công ty. Độ ẩm cao là nguyên nhân phát triển nấm phấn trắng, nấm hồng... trên cây cao su làm giảm chất lượng vườn cây.

Công nghệ các ngành chế biến cao su thiên nhiên của Việt Nam còn chưa phát triển, lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trong nước vẫn còn ở mức thấp chủ yếu tập trung vào các sản phẩm: xăm lốp xe các loại, găng tay, nệm mút,... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao su y tế còn chưa phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả

năng cung ứng đã hạn chế khả năng phát triển của ngành cao su trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk nói riêng.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk là Công ty có quy mô tương đối lớn, với tổng diện tích cao su hiện đang quản lý gần 20.000 ha cao su thiên nhiên quốc doanh (bao gồm cả công ty con 100% vốn tại Campuchia và Công ty con tại Lào với tỉ lệ sở hữu 66,6%). Thị trường tiêu thụ tương đối rộng cả trong và ngoài nước. Trong suốt quá trình hình thành và hoạt động từ năm 1993 Công ty đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc và đóng góp vào sự phát triển chung của ngành cao su Việt Nam.

So với các đơn vị cùng ngành Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk là đơn vị phát triển bền vững, ổn định. Thương hiệu cao su Dakruco luôn được khách hàng ưa chuộng và lựa chọn.

Công ty luôn đạt tiêu chí chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, các sản phẩm của Công ty được nhiều khách hàng khó tính tại thị trường Châu Âu như Đức, Pháp, Bỉ... tin tưởng và sử dụng lâu năm. Sản phẩm chính của Công ty chủ yếu là các dòng sản phẩm sau như: SVR CV60, SVR 3L, SVR 10, LATEX HA...

Những thành tựu trên đạt được là do Công ty đã không ngừng cải tiến trong cơ cấu tổ chức, quản lý trước những thách thức mới. Công ty, chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chính sách đó tạo nên một văn hóa doanh nghiệp lành mạnh khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực làm việc.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Tiêu thụ sụt giảm:

Tiêu thụ tại Trung Quốc – nơi chiếm 40% tiêu thụ cao su tự nhiên toàn cầu – dự báo sẽ chỉ tăng 3,2% trong năm 2019, đạt 5,85 triệu tấn, sau khi tăng 5,3% ở năm 2018 và 7,5% năm 2017. Tại Ấn Độ, tiêu thụ chắc chắn cũng sẽ chỉ tăng 4% trong năm 2019.

Theo ước tính sơ bộ, năm 2018 quốc gia này sử dụng 1,218 triệu tấn cao su tự nhiên, tức là tăng tới 12,6% so với năm trước đó, chủ yếu bởi nhu cầu cao từ lĩnh vực sản xuất lốp xe tải. Ấn Độ năm 2018 chiếm khoảng 9% tiêu thụ cao su thiên nhiên toàn cầu.

Sản lượng có thể tăng:

Sản lượng cao su thiên nhiên thế giới năm 2019 được Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) nhận định sẽ tăng 6,6% lên 14,844 triệu tấn, so với mức tăng khoảng 4,3% của năm 2018. Năng suất cao su trung bình trên mỗi héc-ta (tính chung trên toàn cầu) dự báo vẫn giữ nguyên như năm trước bởi giá cao su thấp trong thời gian qua và thời tiết xấu ở một số nơi, song nhiều diện tích cao su đến độ cho thu hoạch nhiều mù nhất, nên mức tăng sản lượng có sự khác biệt lớn giữa các nước sản xuất.

Giai đoạn 2010 – 2012 giá cao su thế giới đạt mức cao điểm đã kích lệ nhiều nông dân trồng thêm cao su ở thời điểm đó, và đến năm 2019 một phần trong số đó sẽ bắt đầu cho thu hoạch mùa. Diện tích cao su thu hoạch mùa ở riêng Thái Lan dự kiến sẽ tăng khoảng 200.000 ha trong năm 2019. Ở một số nước khác như Bờ Biển Ngà, Myanmar, Campuchia, Lào và Brazil thì có nhiều diện tích cao su đến thời điểm cho sản lượng mùa cao nhất. Chỉ có tại Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia và Ấn Độ là sản lượng dự báo sẽ chỉ tăng nhẹ. Diện tích cao su cho sản lượng mùa cao nhất tại Ấn Độ dự báo sẽ chỉ tăng 26.000 ha trong năm 2019.

Sản lượng của Thái Lan chắc chắn sẽ tăng 6,6% lên 5,135 triệu tấn trong năm 2019, sau khi tăng khoảng 8,8% năm 2018. Khoảng 35% sản lượng cao su thiên nhiên thế giới đến từ Thái Lan.

Sản lượng của Ấn Độ ước tính giảm 9,5% xuống 645.000 tấn trong năm 2018 do thất thu ở Kerala – khu vực trồng cao su chính của Ấn Độ – và dịch bệnh trên lá lan rộng tại nhiều nông trường, cũng như đất trồng cao su đã bị bạc màu. Hơn nữa, một phần diện tích cây cao su cho thu hoạch nhiều mùa năm qua đã không được người trồng cao su thu hoạch mùa vì giá giảm thấp (Ấn Độ năm 2018 có khoảng 190.000 ha cao su đến độ cho nhiều mùa). Thời tiết năm nay bình thường trở lại, dự báo sản lượng cao su Ấn Độ sẽ hồi phục dần, và sẽ tăng tổng cộng 10% trong cả năm.

Mặc dù dự báo sản lượng cao su thế giới năm 2019 sẽ là 14,844 triệu tấn, trong khi tiêu thụ là 14,590 triệu tấn, tức là gần cân bằng, nhưng các yếu tố cơ bản chắc chắn sẽ vẫn bất lợi cho thị trường này. Đó là tổng sản lượng có thể sẽ cao hơn mức đó nếu giá trở nên hấp dẫn (ở một số thời điểm).

Trong trường hợp đó (giá cao su hồi phục), sản lượng cao su Thái Lan năm 2019 có thể cao hơn 14% so với dự đoán trên. Tương tự, sản lượng của Malaysia có thể tăng 53%, trong khi của Ấn Độ có thể tăng 65%.

Giá cao su và giá dầu mỏ:

Thị trường cao su thiên nhiên cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác. Giống như tất cả các hàng hóa trên thị trường châu Á, cao su thiên nhiên có xu hướng đi ngược với đồng USD. Khi USD mạnh lên thì giá cao su thiên nhiên thường giảm.

Trong khi đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ dự kiến sẽ tăng tỷ lệ lãi suất thêm 2 lần nữa trong năm 2019, như vậy USD chắc chắn sẽ tiếp tục tăng trong năm nay. Điều này bất lợi cho giá cao su.

Ngoài ra, triển vọng kinh tế toàn cầu và những biến động dự kiến trên thị trường dầu thô cũng sẽ cản trở giá cao su thiên nhiên hồi phục. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ ngày 11/12/2018 trong báo cáo mang tên Triển vọng Năng lượng đã dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2019 sẽ ở mức 61 USD/thùng, tức là thấp hơn mức trung bình 71,40 USD của năm 2018. Thị trường cao su thiên nhiên thường bám sát xu hướng của thị trường dầu thô.

Trong ngắn hạn, xu hướng tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi, các yếu tố cơ bản (cung – cầu), yếu tố tỷ giá và triển vọng dầu thô cho thấy rất ít khả năng giá cao su thiên nhiên sẽ tăng trở lại trong năm 2019.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến thời điểm 30/06/2019, tổng số lao động của Công ty là 2.988 người, với cơ cấu phân theo: giới tính và trình độ chuyên môn được thể hiện cụ thể như sau:

Cơ cấu lao động tại ngày 30/06/2019

Stt	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	2.988	100,00%
1	Nam	1.306	43,70%
2	Nữ	1.682	56,30%
II	Phân theo trình độ chuyên môn	2.988	100,00%
1	Trên đại học	8	0,26%
2	Trình độ đại học	215	7,20%
3	Trình độ cao đẳng	32	1,07%
4	Trình độ trung học	63	2,10%
5	Trình độ sơ cấp	22	0,74%
6	Lao động qua đào tạo	2.185	73,13%
7	Lao động phổ thông	463	15,50%

Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

8.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng

Chính sách tuyển dụng

Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của doanh nghiệp và con người là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong tổ chức. Nhận thức được điều này, Công ty luôn chú trọng đến chính sách tuyển dụng nhân sự. Tuyển dụng người tài, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi con người là trọng tâm chính là những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Các chính sách về nhân sự luôn đảm bảo điều kiện làm việc và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ tốt nhất cho cán bộ, nhân viên.

Chính sách tuyển dụng: Kế hoạch tuyển dụng: Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

Thông báo tuyển dụng: Các yêu cầu tuyển dụng của Công ty trước hết sẽ được đăng tải trên Website của Công ty và trên các trang Thông tin điện tử khác.

Nguyên tắc tuyển dụng: Đảm bảo Công khai – Công bằng – Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.

Yêu cầu tuyển dụng: Các thông tin chi tiết về hồ sơ và tiêu chuẩn xét tuyển được thông báo cụ thể trên Website của Công ty.

Trình tự tuyển dụng: Các ứng viên xin tuyển dụng phải nộp hồ sơ cho Bộ phận nhân sự (Văn phòng Công ty). Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, ứng viên sẽ được mời đến làm bài kiểm tra về kiến thức và kỹ năng. Cuối cùng, khi qua vòng kiểm tra, các ứng viên sẽ được mời đến phỏng vấn. Kết quả sẽ được Bộ phận nhân sự hoặc Ban chuyên môn thông báo cho ứng viên sau khi có báo cáo tổng kết về quá trình tuyển dụng.

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Các nhân viên mới tại Công ty được hướng dẫn, đào tạo bài bản và chuyên nghiệp về nghiệp vụ, kỹ năng làm việc. Công ty luôn tạo điều kiện học tập tốt nhất để các nhân viên thích ứng một cách nhanh nhất với môi trường làm việc mới. Công ty khuyến khích người lao động học thêm ngoài giờ làm việc chuyên môn để nâng cao năng lực làm việc tại Công ty, bằng cách:

- Tạo điều kiện về thủ tục cần thiết để đi học được thuận lợi;
- Giành một khoảng thời gian nhất định để người lao động tham gia học tập;
- Có thể trợ cấp một khoản nhất định tiền học phí.

Công đoàn Công ty sẽ chủ động tổ chức sinh hoạt tập thể dưới dạng câu lạc bộ khoa học/nghiệp vụ để báo cáo, truyền đạt các vấn đề thiết thực giúp nâng cao nhận thức, kỹ năng cho người lao động. Trưởng các Phòng Ban có trách nhiệm và có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn cho CBNV, đặc biệt là CBNV mới, để làm việc có hiệu quả. Chính sách đãi ngộ và phúc lợi Không chỉ được đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi nhất để nâng cao trình độ, cải thiện kỹ năng và có cơ hội phát triển nghề nghiệp mà các CBNV làm việc tại Công ty còn được hưởng các chế độ đãi ngộ và phúc lợi khác như: Chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, vai trò, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế tại đơn vị, kết quả công việc của người lao động.

Công ty tạo điều kiện môi trường làm việc đảm bảo an toàn vệ sinh, thoáng mát; nhân viên được trang bị đầy đủ các thiết bị làm việc, phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động cần thiết. Văn hóa làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, tạo cơ hội phát triển bản thân. Hỗ trợ thu nhập khi nghỉ thai sản, ngoài khoản thanh toán từ phía bảo hiểm Hỗ trợ phụ cấp (ăn ở, đi lại...) cho CBNV khi đi công tác xa Thăm hỏi, động viên trong các trường hợp nhân viên, gia đình có người ốm; tặng quà cho nhân viên khi cưới hỏi, sinh con; tặng quà cho nhân viên nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6 ... Bên cạnh việc duy trì thường xuyên phong trào thi đua trong toàn đơn vị, Công ty còn xây dựng và tổ chức thực hiện quy định khen thưởng của Công ty luôn kịp thời, có hiệu quả. Các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc định kỳ hoặc đột xuất đều được công nhận và khen thưởng xứng đáng, công bằng, công khai. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật

lao động về các chế độ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Chính sách đào tạo

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng có đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường, Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.

Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới, có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, xem đó là việc đầu tư cho tương lai.

Chính sách lương- thưởng

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với lao động, cụ thể là:

Chăm lo bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động.

Đổi mới chế độ lương, thưởng, xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, đảm bảo công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.

Mức thu nhập bình quân qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	6 tháng Năm 2019
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.120.000	5.147.000	5.200.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

Chính sách thưởng

Xem xét hình thức trả theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.

9. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 06/05/2019, Công ty không chi trả cổ tức năm 2018.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	:	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	:	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn:	:	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	04 - 06 năm
- Vườn cây lâu năm	:	10 - 30 năm

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BIC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Mức khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi

nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng các lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

- **Các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	400.547.137.848	438.999.937.397	467.355.429.532	468.258.991.923
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	618.555.121.137	622.977.356.197	551.860.291.485	541.221.389.334

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

- **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh chứng khoán và hoạt động giáo dục đào tạo thuộc đối tượng không chịu thuế, các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ vào các quy định hiện hành, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Ngoài thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty còn kê khai và nộp các loại thuế khác như thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế xuất nhập khẩu.... theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc trích lập các quỹ được Công ty thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty và luật định

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
Quỹ đầu tư phát triển	12.904.929.090	8.010.275.322	-	5.443.978.289
Quỹ khen thưởng phúc lợi	50.727.198.720	36.282.919.319	33.286.032.719	33.615.258.150

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

- **Tình hình công nợ**

- **Các khoản phải thu:**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	28.728	114.136	115.220	73.976
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	12.838	29.932	41.255	32.061
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.121	21.428	13.688	34.453
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	253	276	20	44
4	Phải thu khác	5.887	62.500	60.257	14.552
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.370)	-	-	(7.134)
II	Các khoản phải thu dài hạn	13.866	18.844	17.705	16.362
1	Phải thu về cho vay dài hạn	19.328	18.744	17.607	16.693
2	Phải thu dài hạn khác	96	100	98	97
	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(5.557)	-	-	(428)
	Tổng cộng	42.594	132.980	132.925	90.338

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

Các khoản phải trả:*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
I	Nợ ngắn hạn	614.808	839.661	821.024	739.512
1	Phải trả người bán ngắn hạn	13.893	23.113	23.477	30.782
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.297	12.285	6.363	13.315
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.197	11.031	13.764	6.507
4	Phải trả người lao động	95.970	66.537	90.230	46.571
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	22.091	8.176	4.097	2.050
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	11	7.119	11	10.163
7	Phải trả ngắn hạn khác	15.923	232.483	182.441	128.250
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	400.547	439.000	467.355	468.259
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	152	3.635	-	-
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	50.727	36.283	33.286	33.615
II	Nợ dài hạn	619.153	623.844	553.060	551.454
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	436	448	426	437
2	Phải trả dài hạn khác	161	419	774	9.797
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	618.555	622.977	551.860	541.221
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.233.961	1.463.505	1.374.084	1.290.967

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000	30.000	30.000	30.000
1	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000	30.000	30.000	30.000
II	Đầu tư tài chính dài hạn	947.417	974.991	976.511	894.961
1	Đầu tư vào công ty con	991.136	946.113	947.716	866.208
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	53.468	7.965	7.965	7.965
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.291	20.912	20.932	20.932
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(127.478)	-	(102)	(144)

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính riêng kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét năm 2019

Đầu tư tài chính Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000	30.000	30.000	30.000
1	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000	30.000	30.000	30.000
II	Đầu tư tài chính dài hạn	38.123	31.744	31.992	31.630
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	52.832	7.832	8.060	7.699
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.291	23.912	23.932	23.932
3	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(45.000)	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
1	Nông trường Phú Xuân	107.221	159.533	169.071	183.458
2	Nông trường 30/04	36.347	-	-	-
3	Nông trường Cukpô	112.434	176.036	187.902	199.997
4	Nông trường Cư Bao	18.032	33.741	35.751	38.469
5	Nông trường 19/08	37.885	72.799	76.338	59.198
6	Nông trường Cuôđăng	3.278	5.039	5.529	6.096
7	Nông trường Cư Mgar	231	3.085	3.124	3.591
8	Nông nghiệp công nghệ cao	-	-	-	6.043
9	Văn phòng Công ty	72	72	72	72
10	Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản khác	-	1.184	2.136	3.212
	Tổng cộng	315.500	451.489	479.923	500.136

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính riêng kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét năm 2019

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2018	01/10/2018	31/12/2018	30/06/2019
1	Nông trường Phú Xuân	107.221	159.533	169.071	183.458
2	Nông trường 30/04	36.347	41.475	-	-
3	Nông trường Cukpô	112.434	176.036	187.902	199.996
4	Nông trường Cư Bao	18.032	33.740	35.751	38.46
5	Nông trường 19/08	37.885	31.324	76.338	59.198
6	Nông trường Cuôrdăng	3.278	5.039	5.529	6.096
7	Nông trường Cư Mgar	231	231	3.124	3.592
8	Trung tâm Eahding	-	2.855	-	-
9	Nông nghiệp công nghệ cao	-	-	-	6.044
10	Văn phòng Công ty	72	1.256	2.208	3.284
11	Tại CTCP Cao su Daknoruco	13.942	21.054	23.304	25.966
12	Tại CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	161.204	91.669	84.841	76.571
13	Tại Công ty TNHH Phát triển Cao su	151.797	104.557	105.255	101.186
	Tổng cộng	642.443	668.769	693.323	703.859

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Từ 01/01//2018 – 30/09/2018	Từ 01/10//2018– 31/12/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	lần	0,59	0,48	0,53
+ Hệ số thanh toán nhanh:	lần	0,30	0,28	0,31
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,46	0,43	0,41
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,86	0,76	0,70
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	5,56	3,06	1,44
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần/năm	0,41	0,20	0,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	33,89	4,40	11,07
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (*)	%	31,23	1,31	1,36
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	13,77	0,89	0,93
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (**)	%	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2017, Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

(*) Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu giai đoạn từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 được tính được tính bằng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ chia bình quân vốn chủ sở hữu đã trừ đi lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

(**) Không thể tính toán chỉ tiêu Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần do Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm

11. Tài sản**Giá trị TSCĐ của Công ty tại thời điểm 31/12/2018****Bảng : Giá trị TSCĐ chủ yếu tại ngày 31/12/2018**

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	TSCĐ hữu hình	2.808.792	1.851.699	65,93%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	521.198	269.214	51,65%
2	Máy móc thiết bị	361.206	124.638	34,51%
3	Phương tiện vận tải	88.816	29.515	33,23%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.828	1.420	37,10%
5	Vườn cây lâu năm	1.787.937	1.407.847	78,74%
6	TSCĐ hữu hình khác	45.807	19.065	41,62%
II	TSCĐ vô hình	255.671	253.166	99,02%
1	Quyền sử dụng đất có thời hạn	6.182	5.822	94,18%
2	Chương trình phần mềm	2.068	249	12,04%
3	Hiện giá vườn cây cao su	247.421	247.095	99,87%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Giá trị TSCĐ của Công ty tại thời điểm 30/06/2019**Bảng : Giá trị TSCĐ chủ yếu tại ngày 30/06/2019**

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	TSCĐ hữu hình	2.804.579	1.806.337	64,41%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	525.583	262.011	49,85%
2	Máy móc thiết bị	357.127	113.267	31,72%
3	Phương tiện vận tải	84.917	25.076	29,53%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.803	1.150	30,24%
5	Vườn cây lâu năm	1.787.341	1.385.786	77,53%
6	TSCĐ hữu hình khác	45.808	19.046	41,58%
II	TSCĐ vô hình	216.260	213.700	98,82%
1	Quyền sử dụng đất	6.182	5.822	94,18%
2	Chương trình phần mềm	2.068	219	10,59%
3	Hiện giá vườn cây cao su	208.010	207.658	99,83%

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020 ^(*)	
	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với 2018	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với 2019
Vốn điều lệ (đồng)	1.558.000.000.000	-	-	-
Doanh thu thuần (triệu đồng) (**)	489.069	(45,21%)	-	-
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) (**)	15.280	(73,70%)	-	-
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,12	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	0,98	-	-	-
Cổ tức (%)	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

(*) Công ty chưa xây dựng kế hoạch cho năm 2020

(**) % tăng (giảm) của Kế hoạch năm 2019 so với thực hiện năm 2018 được tính dựa trên số liệu kế hoạch năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty thông qua và số liệu của 2 giai đoạn (giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018 và giai đoạn từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018) trên BCTC hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nói trên:

Về thị trường: Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì thương hiệu và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn hơn.

Về khoa học công nghệ: Đẩy mạnh phong trào cải tiến, sáng kiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

Về đầu tư: Tiếp tục đầu tư các thiết bị hiện đại, đổi mới các công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận các phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời đào tạo được đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Về tài chính: Quản lý chi phí chặt chẽ, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, vững chắc.

Về nguồn nhân lực: Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả. Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2019:

Tính đến thời điểm 30/06/2019, Theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét của Công ty, Doanh thu thuần của Công ty là 415,553 tỷ đồng đạt 84,97% kế hoạch cả năm và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đang là âm 19,833 tỷ đồng.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng:

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Định hướng phát triển

Xây dựng Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý và kinh doanh giỏi.

Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế năng động cho doanh nghiệp.

Chiến lược phát triển

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn lực, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh, xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp mạnh phát triển toàn diện trong lĩnh vực cao su.

Về sản phẩm: Phát triển đa dạng hóa sản phẩm, ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, BKS**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Bùi Quang Ninh	Thành viên	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Trần Giang	Thành viên	Thành viên điều hành
4	Nguyễn Độ	Thành viên	Thành viên điều hành
5	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	Thành viên không điều hành
6	Đỗ Văn Định	Thành viên	Thành viên không điều hành
7	Nguyễn Văn Nam	Thành viên	Thành viên không điều hành
Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng			
1	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	
2	Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	
Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban	
2	Phan Thanh Tân	Thành viên	
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	

Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

A - Hội đồng quản trị**1. Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên	:	Nguyễn Viết Tượng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/01/1965
Nơi sinh	:	Thành phố Tam kỳ, tỉnh Quảng Nam
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240401901
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xuyên Trường, Duy Xuyên, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	:	42 Nơ Trang Guh, phường Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ lâm sinh, Cử nhân kinh tế công nghiệp, Cử nhân ngoại ngữ (Anh văn)
Quá trình công tác		
Từ 1988 – 1996	:	Lâm trường Nam Nung
Từ 1996 – 2005	:	Tỉnh Ủy Đắk Lắk
Từ 2005 – 2007	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk
Từ 2007 – 2010	:	Huyện ủy CưKuin
Từ 2010 – 2012	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Từ 2012 – 2015	:	Thành Ủy Buôn Ma Thuột
Từ 2015 – tháng 9 năm 2018	:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 – Nay	:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Chủ tịch Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco; Chủ tịch Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri; Chủ tịch Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Chi thun Cao su Đắk Lắk.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ đông
Số cổ phần sở hữu	:	
+Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	2.800 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0018% vốn điều lệ)
+Số cổ phần đại diện sở hữu UBND Tỉnh Đắk Lắk	:	92.484.960 cổ phần (tương ứng chiếm 59,36% vốn điều lệ)

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

2. Thành viên HĐQT

Họ và tên : Bùi Quang Ninh

Giới tính : Nam

Ngày/tháng/năm sinh : 10/08/1966

Nơi sinh : Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 240498058

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú : 29 Cao Bá Quát, phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán

Quá trình công tác

Từ 1989 – 1998 : Nông trường Cao su Cư Bao – Công ty Cao su Đắk Lắk

Từ 1999 – 2010 : Phòng Tài chính kế toán - Công ty Cao su Đắk Lắk

Từ 2011 – tháng 05 năm 2012 : Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

Từ tháng 6 năm 2012 – tháng 05 năm 2015 : Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

Từ tháng 6 năm 2015 – tháng 09 năm 2018 : Tổng Giám đốc- Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

Từ tháng 10 năm 2018 – Nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Bí thư đảng ủy, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk; Chủ tịch Công ty Cổ phần chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk;

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Cổ đông

Số cổ phần sở hữu	:	
+Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	2.600 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0017% vốn điều lệ)
+Số cổ phần đại diện sở hữu UBND Tỉnh Đắk Lắk	:	61.656.640 cổ phần (tương ứng chiếm 39,57% vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Thành viên HĐQT

Họ và tên	:	Nguyễn Trần Giang
Giới tính	:	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	:	16/04/1981
Nơi sinh	:	Bệnh viện tỉnh Đắk Lắk, TX. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240 576 001
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hoằng Phúc, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	:	259/48 Hà Huy Tập, Phường Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 8/2003 – tháng 7/2005	:	Công tác tại phòng kế toán Công ty xăng dầu Đắk Lắk (Nay là Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên)
Từ tháng 09/2005 – tháng 04/2010	:	Phòng Kế toán tài vụ - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01/2011 – tháng 12/2013	:	Trưởng Bộ phận Tài chính Kế hoạch – Phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01/2014 – tháng 9/2018	:	Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10/2018 – Nay	:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không

Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ đông
Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	2.200 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0014 % vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần (tương ứng chiếm 0 % vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Thành viên HĐQT

Họ và tên	:	Nguyễn Độ
Giới tính	:	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	:	02/03/1966
Nơi sinh	:	Đắk Lắk
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240 477 287
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Mỹ Tài, Phú Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	Xã EaDrong, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	:	
Từ 1989 – 1996	:	Nông trường Cao su Phú Xuân – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 1996 – 1997	:	Nhà máy chế biến – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01 năm 1998 – tháng 09 năm 1998	:	Trung tâm ĐT&PT Cao su EaHding – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 11 năm 1999 – tháng 9 năm 2018	:	Nông trường Cao su Cuôr Đăng - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 – Nay	:	Phó Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không

Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ đông
Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	4.700 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0032 % vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần (tương ứng chiếm 0 % vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Thành viên HĐQT

Họ và tên	:	Nguyễn Văn Cúc
Giới tính	:	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	:	17/11/1969
Nơi sinh	:	Bình Sa, Thăng Bình, Quảng Nam
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	241 006 301
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Bình Sa, Thăng Bình, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	:	1/8 Đặng Tất, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	:	
Từ 1991 – 2003	:	Liên hiệp các Xí nghiệp Cao su Đắk Lắk
Từ 2004– 2010	:	Phòng Thanh tra bảo vệ – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01 năm 2011 – tháng 7 năm 2011	:	Phòng thanh tra pháp chế - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 07 năm 2011 – tháng 3 năm 2014	:	Phòng Nội chính – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 04 năm 2014 – tháng 9 năm 2018	:	Phòng nhân sự Pháp chế – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 – Nay	:	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng nhân sự Pháp chế - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng nhân sự Pháp chế - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ đông
Số cổ phần sở hữu	:	3.500 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0022 % vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần (tương ứng chiếm 0 % vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Thành viên HĐQT

Họ và tên	:	Đỗ Văn Định
Giới tính	:	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	:	24/11/1966
Nơi sinh	:	Thanh Hóa
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240 365 411
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Nhon Hòa, An Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	32 Lê Lợi, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 1987 – 1996	:	Công nhân
Từ 1996 – 2004	:	Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 11 năm 2004 – tháng 10 năm 2006	:	Trung tâm du lịch Bản Đôn – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 11 năm 2006 – tháng 12 năm 2007	:	Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 04 năm 2014 – tháng 9 năm 2018	:	Phòng nhân sự Pháp chế – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

Từ tháng 10 năm 2018 – Nay	:	Thành viên HĐQT Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số cổ phần sở hữu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Thành viên HĐQT

Họ và tên	:	Nguyễn Văn Nam
Giới tính	:	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	:	11/02/1968
Nơi sinh	:	
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240563370
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	
Địa chỉ thường trú	:	75/09 Nguyễn Lương Bằng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	PGS.TS
Quá trình công tác	:	
Từ 1993 – 1999	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên
Từ 1999 – 2000	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – PCT Hội sinh viên – Trợ lý Khoa Nông Lâm
Từ 2000 – 2002	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – Phó Bí Thư Đoàn TNCS HCM Trường Đại học Tây Nguyên - CT Hội sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2003 – 2005	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – TP. Thí nghiệm Bộ môn BVTV viên Trường Đại học Tây Nguyên

Từ 2005 –2009	:	Nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc Gia Chonnam, Hàn Quốc
Từ 2009 –2011	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – Trợ lý Khoa Nông Lâm Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2011 –2013	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, – Trợ lý Khoa Nông Lâm – Trưởng Bộ môn Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2013 –2014	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, – Phó trưởng Khoa Nông Lâm – Phó Viện trưởng Viện CNSH&MT
Từ 2014 –2015	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, – Phó trưởng Khoa Nông Lâm – Phó Viện trưởng Viện CNSH&MT
Từ 2015 - 2016	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, – Phó trưởng Khoa Nông Lâm – Phó Viện trưởng Viện CNSH&MT – Phó Bí thư Chi bộ
Từ 2016 - 2019	:	Giảng viên Khoa Nông Lâm, – Phó trưởng Khoa Nông Lâm – Phó Viện trưởng Viện CNSH&MT – Phó Bí thư Chi bộ
Từ 2019 – Nay	:	Phó hiệu trưởng Đại học Tây Nguyên
Từ 10/2018 - Nay	:	Thành viên HĐQT Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số cổ phần sở hữu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

B - Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**• Bùi Quang Ninh - Tổng Giám đốc**

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

• Nguyễn Độ - Phó Tổng Giám đốc

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

• Nguyễn Trần Giang - Kế toán trưởng

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

C - Ban kiểm soát**Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên	:	Nguyễn Thạc Hoàn
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/12/1966
Nơi sinh	:	Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240 290 836
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú	:	Thôn 8, xã Ea Kpam, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 05/1991 – 12/2002	:	Phòng Kế toán Nông trường Cao su 1/5 – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2003 – 07/2003	:	Kế toán trưởng – Nông trường Cao su Cư Mgar – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 08/2003 – 12/2010	:	Kế toán trưởng – Nông trường Cao su Phú Xuân – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2011 – 3/2011	:	Kế toán trưởng – Chi nhánh Nghĩ dưỡng sinh thái và Spa Bản Đôn thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 04/2011 – 6/2012	:	TBP. Tiền lương, Phòng Nội chính – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 07/2012 – 09/2018	:	Kiểm soát viên kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2018 – Nay	:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Trưởng Ban kiểm soát của: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Công ty TNHH MTV Chi thun Cao su Đắk Lắk; Công Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ đông
Số cổ phần sở hữu	:	3.500 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0022% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần (tương ứng chiếm 0% vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	Phan Thanh Tân
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	02/11/1971
Nơi sinh	:	Xuyên Thọ, Duy Xuyên, Quảng Nam
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240 427 612
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xuyên Thọ, Duy Xuyên, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	:	Tổ dân phố 3, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 1992 – 2006	:	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2007 – 09/2007	:	Kế toán trưởng – Trung tâm du lịch Bản Đôn – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2007 – 06/2008	:	Kế toán trưởng – Trung tâm Đầu tư và Phát triển Cao su Đắk Lắk - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 07/2008 – 12/2010	:	Nhân viên Ban Kiểm soát Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2011 – 9/2018	:	Nhân viên Ban Kiểm soát – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 07/2012 – 09/2018	:	Kiểm soát viên kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2018 – Nay	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Thành viên Ban kiểm soát của: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Công ty TNHH MTV Chi thun Cao su Đắk Lắk; Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk; Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ đông
Số cổ phần sở hữu	:	3.300 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0021% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần (tương ứng chiếm 0% vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	Nguyễn Văn Thảo
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	18/06/1975
Nơi sinh	:	
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	240521564
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	
Địa chỉ thường trú	:	92/2/3 Nguyễn Xuân Nguyên, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 2002 – T3/2009	:	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến mủ
Từ 4/2009 – 6/2009	:	Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 7/2009 – 12/2009	:	Kế toán trưởng Nông trường 1 - Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2010 – 9/2011	:	Phó Phòng Kế toán Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2011 – 07/2012	:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 08/2012 – 11/2012	:	Phó Giám đốc Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 12/2012 – 09/2013	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 12/2012 – 09/2013	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2013 – 05/2014	:	Phó Phòng Kế toán Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 06/2014 – 09/2014	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2014 – 04/2019	:	Kế toán trưởng Xí nghiệp Chế biến mủ cao su – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 04/2019 – Nay	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ đông
Số cổ phần sở hữu	:	1.200 cổ phần (tương ứng chiếm 0,00077% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần (tương ứng chiếm 0% vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	:	Không

Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Hội đồng quản trị yêu cầu và giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt để Ban điều hành thực hiện các giải pháp nhằm phát triển mạng lưới, tăng trưởng doanh thu, nâng cao năng suất lao động, và tiết kiệm chi phí.

Đổi mới công tác giám sát, đặc biệt là giám sát chiều sâu theo từng lĩnh vực SXKD thông qua các thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực được phân công.

Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.

Kiên toàn bộ máy tổ chức Công ty khoa học, tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động trên cơ sở khối lượng công việc hiện có, chủ động điều chỉnh chế độ lương thưởng phù hợp, gắn liền quyền lợi với kết quả công việc, nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất hiệu quả công tác.

III. PHỤ LỤC

1. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
2. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên soát xét năm 2019

Đắk Lắk, ngàytháng.....năm 2019

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Việt Tường

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Ninh

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Chấn Hoàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trần Giang

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CHI NHÁNH TP. HCM

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TCDN



Lê Quang Ngọc Thanh

